

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: **32/2020/HNGĐ – ST**

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

V/v “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lương Anh Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Thế Phương và ông Hồ Trung Huyền.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2020/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T - sinh năm 1979.

Địa chỉ: xóm Ch, xã Nghĩa Y, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Cao Văn Tr – sinh năm 1978.

Địa chỉ: xóm Ch, xã Nghĩa Y, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết trình bày: Chị Trương Thị T và anh Cao Văn Tr có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 08 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Y, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng năm năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh Tr không lo làm ăn mà còn chơi bời cờ bạc, bỏ bê gia đình, vợ con. Nhiều lần chị T khuyên bảo anh Tr còn dùng vũ lực đánh đập chị T, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, hai bên không thể hòa giải với nhau được.

Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không có kết quả tốt đẹp hơn. Do cuộc sống hôn nhân quá căng thẳng, mâu thuẫn đến đỉnh điểm nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Cao Văn Tr có 02 con chung là Cao Thị H – sinh ngày 18/01/2002 và Cao Thị H – sinh ngày 24/6/2006. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị T là để con chung cháu H lại cho anh Tr nuôi vì cháu đang ở với anh Tr và chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tr mỗi tháng 500.000 đồng, còn cháu H đã trưởng thành ở với ai tùy cháu chị quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Cao Văn Tr trình bày: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc với nhau từ khi kết hôn cho đến nay, không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ khi chị T làm đơn ly hôn nộp cho Tòa án giải quyết thì vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn với nhau và cãi cò nhau. Hiện nay chị T yêu cầu ly hôn anh Tr thì anh Tr không đồng ý vì anh Tr đang còn tình cảm với chị T và anh Tr mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh Tr và chị T có 02 con chung là Cao Thị H – sinh ngày 18/01/2002 và Cao Thị H – sinh ngày 24/6/2006. Nếu ly hôn anh Tr có nguyện vọng được nuôi cháu H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu H đã trưởng thành ở với ai tùy cháu anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T là được ly hôn với anh Cao Văn Tr. Về con cái: Chị T và anh Tr có 02 con chung là Cao Thị H – sinh ngày 18/01/2002 và Cao Thị H – sinh ngày 24/6/2006. Hiện nay cháu H đã trưởng thành ở với ai tùy cháu, anh Tr chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H hiện đang ở với anh Tr nên đề nghị giao con chung cháu H cho anh Tr được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi

con chung cho chị T vì anh Trung không yêu cầu. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. *Về thẩm quyền giải quyết:* Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị Trương Thị T.

2. *Về thủ tục tố tụng:* Anh Cao Văn Tr đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr là phù hợp với quy định tại điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị T và anh Cao Văn Tr có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng năm năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr không lo làm ăn mà còn chơi bời cờ bạc, bỏ bê gia đình, vợ con. Nhiều lần chị T khuyên bảo anh Tr còn dùng vũ lực đánh đập chị T nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên không thể hòa giải với nhau được. Mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng vẫn không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy tình cảm của hai bên không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T là được ly hôn với anh Cao Văn Tr.

4. *Về nuôi con chung:* Chị T và anh Tr có 02 con chung là Cao Thị H – sinh ngày 18/01/2002 và Cao Thị H – sinh ngày 24/6/2006. Hiện nay cháu H đã trưởng thành, ở với ai tùy cháu, chị T và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của chị T và anh Tr là sau khi ly hôn thì giao cho anh Trg được nuôi con chung cháu H. Mặt khác, sau khi ly hôn chị T không có chỗ ở ổn định, đang đi ở nhờ người khác. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh làm sáo trộn cuộc sống và sinh hoạt của cháu; Căn cứ vào quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao con chung Cao Thị H cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tr mỗi tháng 500.000 đồng nên cần được chấp nhận.

5. *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị T và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

6. *Về án phí*: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 và điều 228– Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 71, 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T là được ly hôn với anh Cao Văn Tr.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Cao Văn Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cao Thị H - sinh ngày 24/6/2006. Chị Trương Thị T thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Cao Văn Tr mỗi tháng 500.000 đồng, tính từ tháng 09 năm 2020 trở đi cho đến lúc con chung đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trương Thị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Cao Thị H – sinh ngày 18/01/2002 nay đã trưởng thành, ở với ai tùy cháu, anh Tr và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị T và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0003451 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn, nay tiếp tục phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Nghĩa Đàn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Y, huyện Nghĩa Đ (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân